

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ**

ĐƠN VỊ
DỊCH VỤ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013	14 - 36

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính số 137/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1391/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103024916 ngày 26 tháng 5 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 ngày 24 tháng 4 năm 2012 với mã số 0102759935 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 29 tháng 3 năm 2013.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

686.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 2,3,4 tòa nhà Sông Đà Twin Tower, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 04.37878108
Fax : 04.37878113
E-mail : infor@sdfc.com.vn
Mã số thuế : 0102759935

Hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Công ty huy động vốn từ các nguồn:
 - Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chi tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - Vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế;
 - Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, các tổ chức trong và ngoài nước.
- Công ty cho vay dưới các hình thức:
 - Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - Cho vay ủy thác của Chính phủ, của các tổ chức, trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Luật và Tổ chức tín dụng và các hợp đồng ủy thác;
 - Cho vay tiêu dùng bằng hình thức cho vay mua trả góp;
- Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác:
 - Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác với các tổ chức và cá nhân;
 - Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà và các tổ chức tín dụng khác được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác cho nhau.
- Bảo lãnh: Công ty bảo lãnh bằng uy tín và khả năng của mình đối với người nhận bảo lãnh. Việc bảo lãnh của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà phải được thực hiện theo quy định tại điều 58, điều 59, điều 60 của Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được cấp tín dụng dưới hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Mở tài khoản và dịch vụ ngân quỹ

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Mở tài khoản: Công ty được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước nơi Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà đặt trụ sở chính và các ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Việc mở tài khoản tiền gửi ngân hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam phải được Ngân hàng nhà nước cho phép;
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì tại đó số dư bình quân không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Dịch vụ ngân quỹ: Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho các khách hàng.
- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác;
- Đầu tư cho các dự án theo hợp đồng;
- Tham gia thị trường tiền tệ;
- Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các doanh nghiệp;
- Được quyền nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng;
- Thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Thực hiện một số hoạt động ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về quản lý ngoại hối:
 - Cung cấp các giao dịch hối đoái dưới hình thức giao dịch giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền lựa chọn và các giao dịch hối đoái khác phù hợp với thông lệ quốc tế;
 - Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên bằng ngoại tệ; Phát hành trái phiếu, giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; Vay vốn bằng ngoại tệ của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
 - Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng ngoại tệ; chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố các giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; bảo lãnh tín dụng bằng ngoại tệ;
 - Cung cấp các dịch vụ ủy thác và quản lý tài sản bằng ngoại hối.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Quốc Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Anh Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Đàm	Thành viên HĐQT
Ông Phùng Quang Tuyên	Thành viên HĐQT độc lập

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Minh Cường	Trưởng Ban Kiểm soát – Không chuyên trách
Bà Nguyễn Thị Việt Oanh	Thành viên Không chuyên trách
Ông Vũ Văn Doanh	Thành viên chuyên trách
Bà Phạm Thị Nhàn	Thành viên chuyên trách

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Anh Vinh	Tổng Giám đốc	22 tháng 3 năm 2013	
Ông Phạm Đại Thắng	Tổng Giám đốc	14 tháng 3 năm 2012	22 tháng 3 năm 2013
Ông Tạ Duy Sơn	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Trần Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Khúc Đình Dương	Phó Tổng Giám đốc		28 tháng 3 năm 2013
Ông Đặng Xuân Cảnh	Kế toán trưởng	08 tháng 11 năm 2013	
Ông Phạm Minh Tú	Kế toán trưởng		08 tháng 11 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chế độ kế toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chế độ kế toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ngày 27 tháng 3 năm 2014

498
BÁO CÁO
TÀI CHÍNH
A &
AI H
ĐA



BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Số: 191/2014/BCTC-KTTV-KT2

A&C

Headquarters : 2 Truong Son St, W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3-00
ÁNH
TỶ
HỮU
A TÚ
C
NỘI
TP

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) bị quá hạn (xem thuyết minh số V.6) và các khoản nợ phải thu (xem thuyết minh số V.12) căn cứ vào đánh giá và chính sách của công ty.

Số dư khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của Công ty (xem thuyết minh số V.10)

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2014

Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên

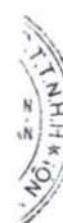
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

CHỨNG NHẬN BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 7644/05/BS

Ngày: 02-12-2014

TM. UBND PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU



PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Quang Lợi

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B02/TCTD

Ban hành theo quyết định 16/2007/QĐ-NHNN

ngày 18 tháng 4 năm 2007 của thống đốc NHNN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN		100			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	110	V.1	106.013.179	408.150.891
II	Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam ('NHNN')	120	V.2	2.517.026	2.517.026
III	Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	130	V.3	4.939.366.261	626.706.372.467
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	131		4.939.366.261	276.838.872.467
2	Cho vay các TCTD khác	132		-	351.000.000.000
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	133		-	(1.132.500.000)
IV	Chứng khoán kinh doanh	140	V.4	718.932	567.400
1	Chứng khoán kinh doanh	141		1.392.496	1.392.496
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	142		(673.564)	(825.096)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	150		-	-
VI	Cho vay khách hàng	160	V.5	230.412.547.942	133.954.002.988
1	Cho vay khách hàng	161		250.714.343.689	140.884.861.166
2	Dự phòng rủi ro cho khách hàng	162		(20.301.795.747)	(6.930.858.178)
VII	Chứng khoán đầu tư	170	V.6	254.236.316.667	591.557.140.567
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng bán	171		90.000.000.000	451.124.501.200
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	172		175.000.000.000	160.000.000.000
3	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	173		(10.763.683.333)	(19.567.360.633)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	180	V.7	11.295.004.760	12.090.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	181		-	-
2	Vốn góp liên doanh	182		-	-
3	Đầu tư vào công ty liên kết	183		-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	184		12.090.000.000	12.090.000.000
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	185		(794.995.240)	-

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mãu số B02/TCTD

Ban hành theo quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của thống đốc NHNN

		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
IX	Tài sản cố định	190		685.145.611	4.919.845.637
1	Tài sản cố định hữu hình	191	V.8	589.590.054	4.696.645.297
	<i>Nguồn gốc</i>	192		4.150.876.017	9.835.152.156
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	193		(3.561.285.963)	(5.138.506.859)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	194		-	-
	<i>Nguồn gốc</i>	195		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	196		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	197	V.9	95.555.557	223.200.340
	<i>Nguồn gốc</i>	198		1.756.771.873	1.790.226.418
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	199		(1.661.216.316)	(1.567.026.078)
X	Bất động sản đầu tư	200		-	-
	<i>Nguồn gốc</i>	201		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	202		-	-
XI	Tài sản có khác	210		1.081.831.107.327	1.064.685.443.263
1	Các khoản phải thu	211	V.10	1.044.574.586.040	1.023.183.568.834
2	Các khoản lãi, phí phải thu	212	V.11	103.258.356.413	39.879.841.950
3	Tài sản thuê TNDN hoàn lại	213		-	-
4	Tài sản Cố khác	214	V.12	18.201.325.254	46.304.834.779
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	215	V.13	(84.203.160.380)	(44.682.802.300)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		220		1.583.508.737.705	2.434.324.040.239

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính

8

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B02/TCTD

Ban hành theo quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của thống đốc NHNN

		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	300			
I.	Các khoản Nợ chính phủ và NHNN	310		-	
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	320	V.14	470.500.000.000	1.216.737.046.393
1	Tiền gửi của các TCTD khác	321		146.000.000.000	606.846.811.928
2	Vay các TCTD khác	322		324.500.000.000	609.890.234.465
III	Tiền gửi của khách hàng	330		-	
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	340		-	
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	350	V.15	60.000.000.000	84.000.000.000
VI	Phát hành giấy tờ có giá	360	V.16	169.000.000.000	250.000.000.000
VII	Các khoản nợ khác	370		109.158.389.995	116.981.118.499
1	Các khoản lãi, phí phải trả	371	V.17	59.686.158.688	44.295.723.556
2.	Thuế TN DN hoãn lại phải trả	372		-	
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác	373	V.18	48.787.379.495	72.685.394.943
4.	Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)	374	V.20	684.851.812	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ				808.658.389.995	1.667.718.164.892
VIII	Vốn và các quỹ	400	V.21	774.850.347.710	766.605.875.347
1	Vốn của TCTD	401		686.000.000.000	686.000.000.000
a	Vốn điều lệ	402		686.000.000.000	686.000.000.000
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	403		-	
c	Thặng dư vốn cổ phần	404		-	
d	Cổ phiếu quỹ	405		-	
e	Cổ phiếu ưu đãi	406		-	
g	Vốn khác	407		-	
2.	Quỹ của TCTD	408		80.189.675.347	53.709.397.162
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	409		-	498
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	410		-	HINH
5.	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	411		8.660.672.363	26.896.478.185
IX	Lợi ích của cổ đông thiểu số	420		-	A
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				1.583.508.737.705	2.434.324.040.239

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B02/TCTD

Ban hành theo quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của thống đốc NHNN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
I	Nghĩa vụ Nợ tiềm ẩn	10	91.313.574.920	129.711.310.237
1.	Bảo lãnh vay vốn	11	-	-
2.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	12	-	-
3.	Bảo lãnh vay vốn	13	91.313.574.920	129.711.310.237
II	Các cam kết đưa ra	20	-	-
1.	Cam kết tài trợ cho khách hàng	21	-	-
2.	Cam kết khác	22	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Hải Huyền

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Cảnh

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đặng Anh Vinh

15/1/2014
Hà Nội
V&A
C&N
T&T

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B03 - TCTD

Ban hành theo quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của thống đốc NHNN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1	VI.1	167.336.781.124	457.914.879.820
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	2	VI.2	91.576.537.761	402.091.829.285
I Thu nhập lãi thuần	3		75.760.243.363	55.823.050.535
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4		2.637.484.516	9.375.386.724
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	5		-	105.533.780
II Lãi/ Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	10	VI.3	2.637.484.516	9.269.852.944
III Lãi/ Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	20		2.123.319	(22.165.801)
IV Lãi/ Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	VI.4	151.357	2.322.218.113
V Lãi/ Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	40		-	(1.575.000.000)
5 Thu nhập từ hoạt động khác	41		3.805.790.970	-
6 Chi phí hoạt động khác	42		2.806.786.816	10.964.064
VI Lãi/ Lỗ thuần từ hoạt động khác	50	VI.5	999.004.154	(10.964.064)
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	60		29.330	236.216.000
VIII Chi phí hoạt động	70	VI.6	14.413.514.346	21.434.503.366
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	80		64.985.521.693	44.608.704.361
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	90		53.242.678.519	43.695.674.282
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	100		11.742.843.174	913.030.079
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	101		3.082.170.811	238.744.401
8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	102		-	-
XII Chi phí thuế TNDN	110	V.19	3.082.170.811	238.744.401
XIII Lợi nhuận sau thuế	120		8.660.672.363	674.285.678
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu	140	VI.7	126,25	9,83

Người lập biểu

Nguyễn Hải Huyền

Kế toán trưởng

Dặng Xuân Cảnh

Lập, ngày 07/01/2014

M.S.D.N: 0107/0935

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

TÀI CHÍNH

CỔ PHẦN

SÔNG ĐÀ

H. TÙ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Dặng Anh Vinh

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		103.958.266.661	585.726.947.887
2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả		(76.059.626.044)	(410.291.920.137)
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		2.637.484.516	9.005.278.513
4. Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)			488.836.312
5. Thu nhập khác		812.685.970	(127.389)
6. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro			
7. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(13.626.005.455)	(25.019.216.692)
8. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ (*)		-	(7.773.456.481)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
9. (Tăng)/ Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		513.221.538.845	770.080.142.798
10. (Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		346.124.501.200	51.964.179.400
11. (Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác			
12. (Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng		(109.829.482.523)	127.761.949.466
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tồn thắt các khoản			
14. (Tăng)/ Giảm khác về tài sản hoạt động		755.600.685	572.517.679.075
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/ (Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	
16. Tăng/ (Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		(746.237.046.393)	(1.418.888.703.607)
17. Tăng/ (Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		-	(15.000.000.000)
18. Tăng/ (Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(81.000.000.000)	(30.000.000.000)
19. Tăng/ (Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(24.000.000.000)	(192.483.395.628)
20. Tăng/ (Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	
21. Tăng/ (Giảm) khác về công nợ hoạt động		(26.564.907.761)	(8.474.433.967)
22. Chi từ các quỹ của TCTD (*)		(416.200.000)	(5.140.154.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		<u>(110.223.190.299)</u>	<u>4.473.605.550</u>

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Mua sắm tài sản cố định (*)		(59.800.000)	(20.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD		2.993.105.000	-
3. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCD (*)		(2.806.786.816)	(10.836.675)
4. Mua sắm bất động sản đầu tư (*)		-	-
5. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
6. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
7. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
8. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
9. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		29.330	236.216.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		126.547.514	205.379.325
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
2. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
3. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác (*)		-	-
4. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia (*)		(185.600.000)	(751.400.000)
5. Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ (*)		-	-
6. Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(185.600.000)	(751.400.000)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
V. Tiền và tương đương tiền đầu năm			
VII.2	115.330.139.251	111.402.554.376	3.927.584.875
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá			
VII. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ			
VII.2	5.047.896.466	115.330.139.251	

Người lập biểu

Nguyễn Hải Huyền

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Cảnh



Đặng Anh Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Tài chính – Ngân hàng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán thống nhất ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01 tháng 6 năm 2005, Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 7 năm 2006; Quyết định số 02/2008/QĐ – NHNN ngày 15/01/2008 và Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thủ trưởng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán theo quy định trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Hình thức sổ sách kế toán là nhật ký chung trên máy vi tính.
4. **Cơ sở đánh giá áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính**
Các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. **Chuyển đổi ngoại tệ**
Nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm bằng ngoại tệ, được qui đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỉ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm cuối tháng, cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá qui đổi tại thời điểm ngày 01/01/2013: 20.828 VND/USD
31/12/2013: 21.083 VND/USD

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Trong đó các khoản lãi được ghi nhận vào thu nhập đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn.

Đối với số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn Công ty hạch toán vào chi phí hoạt động và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu... là số lãi phải thu trong năm.

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần được hạch toán khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

3. Cho vay

Tiền vay được ghi nhận khi Công ty và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Công ty giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với đơn vị và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư, vay hợp vốn, vay trả góp hoặc cầm cố bằng sổ tiết kiệm, chứng từ có giá....

Hình thức đảm bảo tiền vay là bằng thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh hoặc dưới hình thức tín chấp.

Nguyên tắc phân loại nợ vay và đánh giá rủi ro tín dụng căn cứ vào quy định tại Điều 6, Quyết định 493/2005/QĐ/NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 và Quyết định 780/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cơ sở trích lập dự phòng rủi ro tín dụng căn cứ vào các khoản nợ vay đã được phân loại. Việc tính toán dự phòng và tỷ lệ trích lập được căn cứ vào các quy định tại các Quyết định nêu trên. Tỷ lệ trích lập cụ thể như sau:

- Nhóm 1	0%
- Nhóm 2	5%
- Nhóm 3	20%
- Nhóm 4	50%
- Nhóm 5	100%

Việc xóa sổ các khoản nợ vay không có khả năng thu hồi căn cứ vào các quy định của 2 Quyết định nêu trên.

4. Kinh doanh và đầu tư chứng khoán

Các khoản kinh doanh chứng khoán, đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được tự do mua, bán trên thị trường mà tại thời điểm kiểm kê, lập báo cáo tài chính có giá thị trường giảm xuống so với giá gốc ghi trên sổ kế toán. Chứng khoán không được mua bán tự do trên thị trường thì không được lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong vòng 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

9. Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định tại Nghị định số 57/2012/NĐ – CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ.

10. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm:

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

11. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của các tổ chức tín dụng khác, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro (TCTD) và các khoản nợ khác

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

12. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	106.013.179	408.150.891

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán	2.517.026	2.517.026

3. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác</i>	4.939.366.261	276.838.872.467
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	4.873.559.930	114.854.669.284
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	65.806.331	64.802.050
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	-	161.919.401.133
<i>Cho vay các TCTD khác bằng VND</i>	-	351.000.000.000
<i>Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác</i>	-	(1.132.500.000)
Cộng	4.939.366.261	626.706.372.467

4. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chứng khoán vốn</i>	1.392.496	1.392.496
Chứng khoán vốn do TCTD khác trong nước phát hành	819.897	819.897
Chứng khoán vốn do tổ chức kinh tế trong nước phát hành	572.599	572.599
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	(673.564)	(825.096)
Cộng	718.932	567.400

Mã chứng khoán	Số lượng cổ phần	Giá trị sổ sách	Giá trị dự phòng
ACB	18	819.897	(539.097)
HPG	10	376.132	-
DIG	5	196.467	(134.467)
Cộng		1.392.496	(673.564)

5. Cho vay khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay khách hàng	250.714.343.689	140.884.861.166
<i>Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước</i>	238.393.519.789	140.884.861.166
<i>Các khoản nợ chờ xử lý (i)</i>	12.320.823.900	-
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(20.301.795.747)	(6.930.858.178)
Cộng	230.412.547.942	133.954.002.988

(i) Khoản nợ chờ xử lý là khoản lỗ do chuyển đổi trái phiếu của Tập đoàn Vinashin thành trái phiếu của Công ty mua bán nợ DATC.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Phân tích chất lượng nợ vay</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ dù tiêu chuẩn	20.926.593.500	47.341.209.068
Nợ cần chú ý	200.881.116.408	93.543.652.098
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	16.585.809.881	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
Cộng	238.393.519.789	140.884.861.166

<i>Phân tích dư nợ theo thời gian</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn	166.585.809.881	56.609.450.242
Nợ trung hạn	571.593.500	3.597.209.068
Nợ dài hạn	71.236.116.408	80.678.201.856
Cộng	238.393.519.789	140.884.861.166

<i>Dự phòng rủi ro cho vay</i>	Số đầu năm	Trích lập	(Hoàn nhập)	Số cuối năm
Dự phòng cụ thể	4.681.528.333	22.415.104.722	(8.659.672.294)	18.436.960.761
Dự phòng chung	2.249.329.845	1.054.388.010	(1.438.882.869)	1.864.834.986
Cộng	6.930.858.178	23.469.492.732	(10.098.555.163)	20.301.795.747

6. Chứng khoán đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	90.000.000.000	451.124.501.200
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	175.000.000.000	160.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(10.763.683.333)	(19.567.360.633)
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>(3.863.683.333)</i>	<i>(12.667.360.633)</i>
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>(6.900.000.000)</i>	<i>(6.900.000.000)</i>
Cộng	254.236.316.667	591.557.140.567

Chi tiết các khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty như sau:

Chi tiết	Giá trị đầu tư	Ngày phát hành	Ngày đến hạn ban đầu	Lãi suất (%)
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>				
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long - Đợt 2 ⁽ⁱ⁾	90.000.000.000	19/10/2009	19/10/2012	18,2
Cộng	90.000.000.000			

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long - Đợt 1 ⁽ⁱ⁾	120.000.000.000	19/8/2009	19/8/2012	18
Trái phiếu Tập đoàn Sông Đà	40.000.000.000	20/4/2010	20/4/2015	13,38
Chứng khoán nợ DATC	15.000.000.000	25/7/2013	25/7/2023	8,90
Cộng	175.000.000.000			

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(3.863.683.333)	(12.667.360.633)
Dự phòng trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long ⁽ⁱ⁾	(3.863.683.333)	(3.863.683.333)
Dự phòng trái phiếu Tập đoàn Vinashin	-	(1.437.938.100)
Dự phòng lợi vốn trái phiếu Tập đoàn Vinashin	-	(7.365.739.200)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(6.900.000.000)	(6.900.000.000)
Dự phòng trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long ⁽ⁱ⁾	(6.900.000.000)	(6.900.000.000)
Cộng	(10.763.683.333)	(19.567.360.633)

(i) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long đã đáo hạn nhưng vẫn chưa thu hồi. Phần lãi phải thu từ năm 2011 của các trái phiếu này cũng chưa thu hồi và đang theo dõi trên tài khoản ngoại bảng. Do chưa có hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng nhà nước về việc trích lập dự phòng đối với dư nợ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) nên Công ty mới chỉ thực hiện trích lập dự phòng đối với các loại trái phiếu này theo đánh giá của Công ty.

7. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	12.090.000.000	12.090.000.000
Tổng Công ty Thép Việt Nam	9.090.000.000	9.090.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco - Fanxifang	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(794.995.240)	-
Cộng	11.295.004.760	12.090.000.000

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình năm 2013

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.529.692.737	6.456.224.782	849.234.637	9.835.152.156
Tăng trong năm do mua sắm mới	59.800.000	-	-	59.800.000
Giảm trong năm	(1.190.139.138)	(3.942.266.000)	(611.671.001)	(5.744.076.139)
Thanh lý, nhượng bán	(43.181.818)	(3.942.266.000)	(179.665.000)	(4.165.112.818)
Giảm theo				
TT45/2013/TT-BTC	(1.146.957.320)	-	(432.006.001)	(1.578.963.321)
Số cuối năm	1.399.353.599	2.513.958.782	237.563.636	4.150.876.017
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	776.840.417	-	-	776.840.417

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.921.336.192	2.874.032.635	343.138.032	5.138.506.859
Tăng trong năm do trích khấu hao	295.067.225	638.007.908	106.684.016	1.039.759.149
Giảm trong năm	(1.026.788.746)	(1.259.334.972)	(330.856.327)	(2.616.980.045)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(28.797.562)	(1.259.334.972)	(71.943.468)	(1.360.076.002)
<i>Giảm theo</i>				
TT45/2013/TT-BTC	(997.991.184)	-	(258.912.859)	(1.256.904.043)
Số cuối năm	1.189.614.671	2.252.705.571	118.965.721	3.561.285.963
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	608.356.545	3.582.192.147	506.096.605	4.696.645.297
Số cuối năm	209.738.928	261.253.211	118.597.915	589.590.054
<i>Trong đó:</i>				
- Không cần dùng	-	-	-	-
- Chờ thanh lý	-	-	-	-
<i>Tài sản cố định hữu hình năm 2012</i>				
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.542.978.647	6.456.224.782	869.234.637	9.868.438.066
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	(13.285.910)	-	(20.000.000)	(33.285.910)
Số cuối năm	2.529.692.737	6.456.224.782	849.234.637	9.835.152.156
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.349.467.446	-	105.584.286	1.455.051.732
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.505.461.308	1.797.995.172	157.424.229	3.460.880.709
Tăng trong năm do trích khấu hao	424.006.932	1.076.037.463	200.030.990	1.700.075.385
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	(8.132.048)	-	(14.317.187)	(22.449.235)
Số cuối năm	1.921.336.192	2.874.032.635	343.138.032	5.138.506.859
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.037.517.339	4.658.229.610	711.810.408	6.407.557.357
Số cuối năm	608.356.545	3.582.192.147	506.096.605	4.696.645.297
<i>Trong đó:</i>				
- Không cần dùng	-	-	-	-

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
- Chờ thanh lý	-	-	-	-
9. Tài sản cố định vô hình				
Phần mềm kế toán				
Nguyên giá				
Số đầu năm		1.790.226.418		1.770.226.418
Tăng trong năm				20.000.000
Giảm trong năm theo TT45/2013/TT-BTC		(33.454.545)		-
Số cuối năm		1.756.771.873		1.790.2264.18
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		1.567.026.078		1.456.369.781
Tăng trong năm do trích khấu hao		105.479.800		110.656.297
Giảm trong năm theo TT45/2013/TT-BTC		(11.289.562)		-
Số cuối năm		1.661.216.316		1.567.026.078
Giá trị còn lại				
Số đầu năm		223.200.340		313.856.637
Số cuối năm		95.555.557		223.200.340
Trong đó:				
- Không cần dùng				
- Chờ thanh lý				
10. Các khoản phải thu				
		Số cuối năm		Số đầu năm
Phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long ⁽ⁱ⁾		450.000.000.000		450.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long ⁽ⁱⁱ⁾		235.000.000.000		250.000.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾		70.690.248.240		36.097.222.223
Đặt cọc mua trái phiếu ^(iv)		280.869.724.055		282.600.000.000
Phải thu Ngân hàng TMCP Quân Đội		2.000.000.000		-
Phải thu Công ty tài chính CP Điện lực		790.333.333		-
Phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 5		326.265.500		-
Phải thu về hỗ trợ lãi suất		4.098.608.441		4.098.608.441
Phải thu khác		799.406.471		387.738.170
Cộng		1.044.574.586.040		1.023.183.568.834

(i) Tổng số dư nợ phải thu của Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long đang theo dõi các khoản phải thu khác tại thời điểm 31/12/2013, bao gồm:

- Thực hiện nhận lại khoản nợ 320.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long (STL) với ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) khi kết thúc hợp đồng vay giữa STL và SHB tại ngày 30/11/2011. Công ty không theo dõi đây là khoản cho vay do nghiệp vụ nợ phát sinh không đầy đủ các tài liệu và tuân thủ đúng quy trình cho vay. Kỳ nhận nợ lại đầu tiên của STL với Công ty là từ ngày 30/11/2011 đến ngày 15/01/2012. Khoản nợ này đã được gia hạn từ ngày 31/5/2012 đến ngày 31/5/2013. Đến thời điểm ngày 31/12/2013 Công ty chưa thực hiện ký kết các phụ lục gia hạn mới. Lãi suất Công ty đang áp dụng là 24%/năm.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 00200051/008/11/NH ngày 22/3/2011, Công ty thực hiện cho STL vay từ nguồn vốn ủy thác cho vay có chỉ định mục đích của Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long (MHB) với số tiền là 150.000.000.000 VND. Đến ngày 24/12/2011 là thời điểm đáo hạn của hợp đồng này, Công ty đã trả hộ STL và nhận nợ lại khoản vay này từ MHB. Công ty không theo dõi đây là khoản cho vay do nghiệp vụ nợ phát sinh không đầy đủ các tài liệu và tuân thủ đúng quy trình cho vay. Số dư đến ngày 31/12/2013 là 130.000.000.000 VND.

(ii) Là khoản ủy thác quản lý vốn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - Chi nhánh Đông Đô cho Công ty có kỳ hạn ban đầu từ ngày 16/6/2011 đến ngày 16/6/2012. Khoản ủy thác này được gia hạn lần thứ nhất đến ngày 30/9/2012 và tiếp tục được gia hạn lần thứ 2 đến ngày 30/6/2013. Ngày 31 tháng 10 năm 2013, VPBank đã chủ động đơn phương tất toán hợp đồng ủy thác cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay vốn bằng cách thu lại tiền thông qua tài khoản tiền gửi của Công ty mở tại VPBank theo đúng thỏa thuận cầm cố và cam kết trách nhiệm giữa Công ty với VPBank. Do đó, Công ty thực hiện nhận và theo dõi trực tiếp đối với khoản tín dụng đã cấp cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long từ nguồn vốn ủy thác của VPBank trước đây.

(iii) Công ty thực hiện chi trả hộ tiền lãi vay quá hạn cho khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Đông Đô với số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 70.690.248.240 VND. Ngày 11 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long đã gửi công văn số 434/CT/TCKT về việc đề nghị điều chỉnh thời gian và kế hoạch trả nợ, theo đó các khoản nợ lãi này sẽ được trả từ tháng 6/2013 đến tháng 6/2014. Hiện tại Công ty đang xem xét để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.

(iv) Khoản phải thu do đặt cọc trái phiếu:

- Theo hợp đồng đặt cọc mua trái phiếu số 01/2011/HĐDC/SDFC-SMFC ngày 28/7/2011, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ SME (hiện nay được đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hữu Nghị FICAP) thực hiện mua trái phiếu chính phủ cho Công ty. Để thực hiện hợp đồng, Công ty phải đặt cọc hợp đồng là 50% tổng giá trị trái phiếu dự kiến mua tương ứng 500.000.000.000 VND trong thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 28/7/2011 đến ngày 28/7/2012, lãi suất Công ty được hưởng trong thời hạn đặt cọc là 25,5%/năm. Đến thời điểm đáo hạn, bên mua chưa thực hiện được việc mua trái phiếu và hai bên đã thực hiện ký phụ lục hợp đồng để thanh lý một phần hợp đồng đặt cọc nói trên. Giá trị phần còn lại của hợp đồng là 282.500.000.000 VND được gia hạn đến ngày 31/12/2012 với lãi suất áp dụng là 24,2%/năm. Khoản công nợ này được thế chấp bằng giá trị Quyền sử dụng đất tại lô HH2c thuộc khu đô thị Nam An Khánh. Tổng giá trị tài sản thế chấp được xác định là 393 tỷ đồng (786 tỷ đồng x 50%).
- Đến ngày 03/5/2013, Tổng công ty Sông Đà đã trả thay cho quỹ SME số tiền là 1.630.275.946. Đến thời điểm 31/12/2013, hai bên chưa ký kết thêm bất cứ hợp đồng và phụ lục gia hạn nào, lãi suất áp dụng cho năm nay là 24,2%/năm (chính là lãi suất trong hạn).

11. Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	99.055.554.222	34.792.493.055
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	4.198.916.668	4.619.375.003
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	3.885.523	203.399.461
Phí và lãi phải thu khác	-	264.574.431
Cộng	103.258.356.413	39.879.841.950

12. Tài sản có khác

Là chi phí thuê nhà chờ phân bổ

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Dự phòng rủi ro các tài sản có nội bảng khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng rủi ro khác	84.203.160.380	44.682.802.300
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long(*)	69.828.160.380	44.682.802.300
- Công ty Cổ phần Xi măng - Hạ Long (**)	14.375.000.000	-
Cộng	84.203.160.380	44.682.802.300

(*) Số dư khoản phải thu đối với Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long (xem thuyết minh số VI.10) đã được Công ty lập hồ sơ chuyển Công ty Quản lý tài sản (VAMC) xem xét để mua lại khoản nợ này. Theo các văn bản trả lời của VAMC thì hiện tại VAMC sẽ chưa thực hiện mua lại khoản nợ nói trên mà sẽ xem xét mua lại trong thời gian tới. Theo đó, vận dụng các quy định về việc trích lập dự phòng đối với trái phiếu đặc biệt sau khi được VAMC mua lại khoản nợ này theo nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Công ty thực hiện trích lập dự phòng ở mức 20% đối với tổng giá trị khoản phải thu sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm.

(**) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (xem thuyết minh số V.10) được phân loại vào nợ nhóm 2 – Nợ cần chú ý và trích lập dự phòng cụ thể với mức trích 5%. Do trong tháng 12/2013 và quý I/2014 số nợ gốc đã thu hồi được của khoản cho vay này lần lượt là 15.000.000.000 VND và 20.000.000.000 VND nên Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc phân loại và trích lập dự phòng tại thời điểm cuối năm 2013 là phù hợp.

14. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn bằng VND	146.000.000.000	606.846.811.928
Vay các TCTD khác bằng VND	324.500.000.000	609.890.234.465
Cộng	470.500.000.000	1.216.737.046.393

Chi tiết các khoản tiền gửi, tiền vay của các TCTD khác

Nội dung	Ngày đáo hạn	Lãi suất trong hạn đang áp dụng	Số dư cuối kỳ
<i>Tiền gửi</i>			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	31/12/2013	8%	45.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	21/02/2014	8%	19.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	09/01/2014	8%	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Tín	31/03/2014	8%-10%	52.000.000.000
<i>Tiền vay</i>			324.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (*)	05/07/2013	11,00%	246.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	01/10/2013	10%-15%	18.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	31/12/2013	8% -19%	60.000.000.000
Cộng			470.500.000.000

(*) Các khoản tiền gửi, tiền vay của các TCTD khác tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 đã đáo hạn nhưng chưa được tất toán và đang chờ được gia hạn.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

Là khoản vốn Công ty nhận ủy thác đầu tư từ Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam PVI ngày 03/11/2011. Khoản nhận ủy thác này có thời hạn từ 03/11/2011 đến 05/11/2012. Theo công văn số 609/PVI - ĐTTC ngày 29/11/2013 SDFC phải thanh toán gốc và lãi phát sinh chậm nhất 31/12/2014. Lãi suất áp dụng từ ngày 5/11/2012 đến 31/12/2013 là 8%/năm và thanh toán toàn bộ trước ngày 31/12/2013.

16. Phát hành giấy tờ có giá

Là trái phiếu do Công ty phát hành có thời hạn 3 năm từ ngày 30/09/2010 đến ngày 30/09/2013 với lãi suất năm đầu 13,5%/năm, các năm sau với lãi suất thả nổi. Lãi suất áp dụng cho kỳ từ 30/09/2012 đến 30/09/2013 là 13,5%/năm.

Trái phiếu phát hành do các tổ chức nắm giữ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam ⁽ⁱ⁾	23.000.000.000	35.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	58.000.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	70.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Tài chính Dệt may	-	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Tín ^(iv)	18.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	169.000.000.000	250.000.000.000

(i) Ngày 12/11/2013 SDFC và Tổng công ty lắp máy Việt Nam có ký Phụ lục gia hạn Trái phiếu từ 30/9/2013 đến 31/5/2014, lãi suất gia hạn 10,63%/năm.

(ii) Ngày 30/9/2013 SDFC và Công ty Tài chính Cổ phần hóa chất Việt Nam có ký Thỏa thuận gia hạn Trái phiếu từ 30/9/2013 đến hết quý II năm 2014; lãi suất gia hạn 8%/năm.

(iii) Theo Công văn 3189/2013/CV-VNCB Ngân hàng Đại Tín gửi SDFC ngày 27/12/2013 thì Ngân hàng Đại Tín đồng ý ký HD/PL/BB thỏa thuận gia hạn trái phiếu đến ngày 30/6/2014 với lãi suất áp dụng từ 30/9/2013 đến 30/6/2014 là 8%/năm.

(iv) Trái phiếu được nắm giữ bởi Ngân hàng TMCP Đại Dương đã quá hạn nhưng chưa có thỏa thuận bổ sung nào về việc gia hạn.

17. Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải trả cho tiền gửi	8.965.388.889	6.992.594.275
Lãi phải trả về phát hành giấy tờ có giá	10.865.836.863	8.450.259.721
Lãi phải trả cho tiền vay	39.854.932.936	24.822.814.002
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	-	4.030.055.558
Cộng	59.686.158.688	44.295.723.556

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả bên ngoài	47.523.980.203	72.268.251.496
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Xem thêm thuyết minh V.19)	4.028.718.890	1.105.186.319
Các khoản chờ thanh toán khác (*)	43.495.261.313	71.163.065.177
Các khoản phải trả nội bộ	1.263.399.292	417.143.447
Các khoản thanh toán cho CBCNV	1.143.663.974	356.155.083
Các khoản nợ khác	119.735.318	60.988.364
Cộng	48.526.123.896	72.685.394.943

(*) Chi tiết các khoản chờ thanh toán khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tiền để hỗ trợ lãi suất	2.730.614.287	2.730.614.287
Cỗ tức phải trả của các cỗ đồng	36.826.050.000	37.011.650.000
Phải trả Tập đoàn Sông Đà tiền thuê trụ sở	615.824.160	28.100.800.000
Phải trả Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	247.386.122	177.065.424
Lãi phải trả Công ty Tài chính Điện lực	87.500.000	2.624.999.999
Lãi phải trả VPBank – Chi nhánh Đông Đô	2.841.651.662	177.675.078
Phải trả khác	146.235.082	341.751.285
Cộng	43.495.261.313	71.164.556.073

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp Trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	119.378.284	478.777.747	(598.156.031)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.082.170.811	-	3.082.170.811
Thuế thu nhập cá nhân	141.331.150	509.756.029	(549.015.985)	102.071.194
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Khoản thu hồi hỗ trợ lãi suất chờ hoàn trả	844.476.885	-	-	844.476.885
Cộng	1.105.186.319	4.073.704.587	(1.150.172.016)	4.028.718.890

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.742.843.174	913.030.079
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	585.840.070	41.947.525
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ bị loại trừ khi tính thuế TNDN</i>	585.840.070	41.947.525
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Thu nhập tính thuế	12.328.683.244	954.977.604
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.082.170.811	238.744.401

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Dự phòng rủi ro khác

Là khoản dự phòng chung đối với cam kết bảo lãnh

Số dư bảo lãnh (i)	91.313.574.920
Tỷ lệ trích dự phòng chung (ii)	0,75%
Số trích dự phòng (iii) = (i)*(ii)	684.851.812

20. Vốn và quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vốn của Tổ chức tín dụng</i>	<i>686.000.000.000</i>	<i>686.000.000.000</i>
Vốn điều lệ	686.000.000.000	686.000.000.000
<i>Quỹ của Tổ chức tín dụng</i>	<i>80.189.675.347</i>	<i>53.709.397.162</i>
Quỹ Đầu tư phát triển	13.893.000.000	13.893.000.000
Quỹ Dự phòng tài chính	52.967.778.185	26.105.000.000
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn chủ sở hữu	12.876.183.816	12.842.483.816
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	444.053.216	860.253.216
Quỹ khác	8.660.130	8.660.130
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>8.660.672.363</i>	<i>26.896.478.185</i>
Cộng	774.850.347.710	766.605.875.347

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết biến động vốn và các quỹ trong năm 2013 như sau:

	Vốn điều lệ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	686.000.000.000	13.893.000.000	18.220.000.000	8.900.000.000	407.216	78.849.676.323	-	805.863.083.539
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	674.285.678	-	674.285.678
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	7.885.000.000	3.942.483.816	6.000.000.000	(18.327.483.816)	500.000.000	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(34.300.000.000)	-	(34.300.000.000)
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	(5.140.154.000)	-	(491.339.870)	(5.631.493.870)
Số dư cuối năm trước	686.000.000.000	13.893.000.000	26.105.000.000	12.842.483.816	860.253.216	26.896.478.185	8.660.130	766.605.875.347
Số dư đầu năm nay	686.000.000.000	13.893.000.000	26.105.000.000	12.842.483.816	860.253.216	26.896.478.185	8.660.130	766.605.875.347
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	8.660.672.363	-	8.660.672.363
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	26.862.778.185	33.700.000	-	(26.896.478.185)	-	-
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	(416.200.000)	-	-	(416.200.000)
Số dư cuối năm nay	686.000.000.000	13.893.000.000	52.967.778.185	12.876.183.816	444.053.216	8.660.672.363	8.660.130	774.850.347.710

Chi tiết biến động vốn điều lệ theo cổ đông

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà	190.000.000.000	190.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	88.000.000.000	88.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	80.000.000.000	80.000.000.000
Các cổ đông khác	328.000.000.000	328.000.000.000
Cộng	686.000.000.000	686.000.000.000

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.600.000	68.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	68.600.000	68.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.600.000	68.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.600.000	68.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.600.000	68.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi và cho vay	90.764.483.848	274.741.326.342
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	7.798.291.665	74.837.482.318
Thu khác từ hoạt động tín dụng	68.774.005.611	108.336.071.160
Cộng	167.336.781.124	457.914.879.820

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	23.043.480.842	226.469.325.514
Trả lãi tiền vay	40.598.366.213	119.124.093.638
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	27.838.751.800	43.048.787.673
Chi phí hoạt động tín dụng khác	95.938.906	13.449.622.460
Cộng	91.576.537.761	402.091.829.285

3. Lãi/(lỗ) từ hoạt động dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.637.484.516	9.375.386.724
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	705.196.332	4.209.129.288
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	1.931.818.184	5.136.170.707
Thu khác	470.000	30.086.729
Chi phí hoạt động dịch vụ	-	(105.533.780)
Chi khác	-	(105.533.780)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	2.637.484.516	9.269.852.944

4. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh mua bán chứng khoán kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	36.341.500
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(175)	(23.390.889.315)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	151.532	25.676.765.928
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	151.357	2.322.218.113

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động khác	3.805.790.970	-
Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.993.105.000	-
Thu từ hoàn nhập dự phòng tín dụng	799.031.058	-
Các khoản thu khác	13.654.912	-
Chi phí từ hoạt động khác	(2.806.786.816)	(10.964.064)
Giá trị còn lại TSCĐ đã thanh lý, nhượng bán	(2.806.786.816)	(10.964.064)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	999.004.154	(10.964.064)

6. Chi phí hoạt động

	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế; các khoản phí, lệ phí	458.792.803	586.641.737
Chi phí cho nhân viên	5.731.487.466	9.684.479.384
Chi hoạt động quản lý và công cụ	4.885.631.973	7.880.552.411
Chi về tài sản	2.542.606.864	3.282.829.834
Chi phí dự phòng	794.995.240	-
Cộng	14.413.514.346	21.434.503.366

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.660.672.363	674.285.678
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-----	-----
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.660.672.363	674.285.678
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	68.600.000	68.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	126,25	9,83

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	106.013.179	408.150.891
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.517.026	2.517.026
Tiền, vàng gửi tại các ngân hàng khác	4.939.366.261	114.919.471.334
Cộng	5.047.896.466	115.330.139.251

2. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là tài chính tiền tệ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam

3. Quản lý rủi ro tài chính

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi hệ thống các quy chế tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Công ty không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Công ty. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng, và hoạt động đầu tư tạo ra các chứng khoán nợ. Ngoài ra, còn có rủi ro tín dụng từ các công cụ ngoại bảng như các cam kết vay. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện tập trung bởi Hội đồng tín dụng với sự tham gia của đại diện Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Việc định lượng rủi ro tín dụng trong các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng và các tổ chức tín dụng khác được thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua đánh giá thường xuyên loại tài sản được chấp nhận là tài sản thế chấp và phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	106.013.179	-	106.013.179
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.517.026	-	2.517.026
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	4.939.366.261	-	4.939.366.261
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	55.000.000.000	120.000.000.000	175.000.000.000
<i>Chứng khoán đầu tư đến ngày đáo hạn</i>	<i>55.000.000.000</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>175.000.000.000</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.000.376.132	99.091.016.364	102.091.392.496
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>376.132</i>	<i>1.016.364</i>	<i>1.392.496</i>
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng đi bán</i>	<i>-</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>90.000.000.000</i>
Đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000	9.090.000.000	12.090.000.000
Các khoản cho vay	33.247.417.400	217.466.926.289	250.714.343.689
Các khoản phải thu khác	697.571.686.854	450.000.000.000	1.147.571.686.854
Cộng	793.867.376.852	886.557.942.653	1.680.425.319.505

Rủi ro thị trường

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VND. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Công ty chủ yếu bằng VND. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Công ty lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Công ty đã quản lý trạng thái ngoại hối mờ; kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ; đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Bảng trình bày các tài sản và nợ của Công ty theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ tại 31 tháng 12 năm 2013:

	Tổng	EUR	USD	Trong đó
				VND
Tài sản tài chính				
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	106.013.179			106.013.179
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.517.026			2.517.026
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác ^(*)	4.939.366.261	1.181,88	1.505,14	4.873.559.930
Chứng khoán kinh doanh ^(*)	1.392.496			1.392.496
Cho vay khách hàng ^(*)	250.714.343.689			250.714.343.689
Chứng khoán đầu tư ^(*)	265.000.000.000			265.000.000.000
Góp vốn, đầu tư dài hạn ^(*)	12.090.000.000			12.090.000.000
Các tài sản Có khác ^(*)	1.147.571.686.854			1.147.571.686.854
Tổng tài sản tài chính	1.680.425.319.505	1.181,88	1.505,14	1.680.359.513.174

Nợ phải trả tài chính

Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác	470.500.000.000			470.500.000.000
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	60.000.000.000			60.000.000.000
Phát hành giấy tờ có giá	169.000.000.000			169.000.000.000
Các khoản nợ khác	103.181.420.001			103.181.420.001
Tổng nợ phải trả tài chính	802.681.420.001	-	-	802.681.420.001
Trạng thái tiền tệ nội bảng	877.743.899.504	1.181,88	1.505,14	877.678.093.173
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng				
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	877.743.899.504	1.181,88	1.505,14	877.678.093.173

Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy rủi ro do biến động của rủi ro tiền tệ đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần ngoại tệ của Công ty nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Khoản mục	Quá hạn	Không chịu lãi	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian				Tổng
			Đến 01 tháng	Từ 01 – 03 tháng	Từ 03 – 12 tháng	Từ 01 năm đến 5 năm	
Tài sản							
Tiền mặt vàng bạc, đá quý		106.013.179				-	106.013.179
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước			2.517.026			-	2.517.026
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)			4.939.366.261			-	4.939.366.261
Cho vay khách hàng (*)	217.466.926.289	12.320.823.900		20.355.000.000		-	571.593.500 250.714.343.689
Chứng khoán đầu tư (*)	210.000.000.000	12.091.392.496			40.000.000.000	15.000.000.000	277.091.392.496
Tài sản Cố khác (*)	1.143.084.970.527	4.486.716.327				-	1.147.571.686.854
Tổng tài sản	1.570.551.896.816	29.004.945.902	4.941.883.287	20.355.000.000	40.000.000.000	- 15.571.593.500	1.680.425.319.505
Nợ phải trả							
Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác	369.500.000.000		30.000.000.000	71.000.000.000		-	470.500.000.000
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro				60.000.000.000		60.000.000.000	
Phát hành giấy tờ có giá	70.000.000.000			99.000.000.000		169.000.000.000	
Các khoản nợ khác		103.181.420.001			-	103.181.420.001	
Tổng nợ phải trả	439.500.000.000	103.181.420.001	30.000.000.000	71.000.000.000	159.000.000.000	-	802.681.420.001
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng							
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	1.130.790.641.217	(73.915.218.500) (25.058.116.713) (50.645.000.000) (119.000.000.000)				- 15.571.593.500	877.743.899.504
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	1.130.790.641.217	(73.915.218.500)	(25.058.116.713)	(50.645.000.000)	(119.000.000.000)	- 15.571.593.500	877.743.899.504

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 10.247.636.688 VND.

Rủi ro thanh khoản

- Công ty thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Công ty quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho Công ty thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất. Ngoài ra, Công ty luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng, cổ đông hiểu rõ mọi hoạt động của Công ty, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Công ty theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày đáo hạn:

Khoản mục	Quá hạn			Trong hạn			Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	
Tài sản							
Tiền mặt vàng bạc, đá quý			106.013.179				106.013.179
Tiền gửi tại NHNN			2.517.026				2.517.026
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)			4.939.366.261				4.939.366.261
Cho vay khách hàng (*)	217.466.926.289			42.500.000	20.884.093.500	12.320.823.900	250.714.343.689
Chứng khoán đầu tư (*)	210.000.000.000			52.091.392.496		15.000.000.000	277.091.392.496
Các tài sản Có khác (*)	1.037.350.305.628	105.734.664.899	4.486.716.327				1.147.571.686.854
Tổng tài sản	1.464.817.231.917	105.734.664.899	9.534.612.793	-	52.133.892.496	20.884.093.500	27.320.823.900
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu							
Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng							
Nhà nước và các TCTD khác	246.500.000.000	123.000.000.000	30.000.000.000	71.000.000.000			470.500.000.000
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro					60.000.000.000		60.000.000.000
Phát hành giấy tờ có giá		70.000.000.000			99.000.000.000		169.000.000.000
Các khoản nợ khác			103.181.420.001				103.181.420.001
Tổng nợ phải trả	316.500.000.000	123.000.000.000	133.181.420.001	71.000.000.000	159.000.000.000	-	802.681.420.001
Chênh lệch thanh khoản ròng	1.148.317.231.917	(17.265.335.101)	(123.646.807.208)	(71.000.000.000)	(106.866.107.504)	20.884.093.500	27.320.823.900
							877.743.899.504

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán.

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Hải Huyền

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Cảnh

Tổng Giám đốc



Đặng Anh Vinh

